

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2009

Số: 34 CV/HVBCTT

(v/v báo cáo thực hiện quy chế công khai
đối với các cơ sở giáo dục đại học)

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Vụ Kế hoạch Tài chính
- Vụ Giáo dục Đại học
- Thanh tra
- Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD
- Cục Công nghệ Thông tin
- Văn phòng Bộ

Thực hiện Công văn số 9535/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT, Học viện Báo chí và Tuyên truyền báo cáo như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- a) Các chuẩn đầu ra đã công bố (có QĐ công bố chuẩn đầu ra kèm theo):
- b) Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp năm 2008 có việc làm: 91.5% (SV tốt nghiệp 2008 là 669)
- c) Kết quả kiểm định chất lượng:
Đang xây dựng kế hoạch để hoàn thành tự đánh giá trường trong năm 2010.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- a) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tính đến 31.10.2009 (theo biểu mẫu 23):
- b) Cơ sở vật chất (theo biểu mẫu 22)

3. Công khai thu chi tài chính

- a) Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học (năm học 2009-2010)
 - Học phí: 240.000đ/sinh viên/tháng
 - Các khoản thu khác: Theo quy định của nhà nước
- b) Các nguồn thu khác của trường (theo số dự toán năm 2009):
 - Thu từ học đồng liên kết đào tạo: 400.000đ/sinh viên/tháng
 - Thu dịch vụ ký túc xá SV: 120.000đ/sinh viên/tháng
- c) Ngân sách nhà nước cấp (theo dự toán năm 2009):
 - Chi thường xuyên: 35.701.000.000đ
 - Chi đầu tư: 9.830.000.000đ
 - Chi NCKH: 1.210.000.000đ
 - Chi viện trợ SV Lào: 3.536.000.000đ
 - Chi nhiệm vụ chính trị đột xuất: 579.080.000đ

d) Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, học bổng và trợ cấp (số lượng sinh viên và số dự toán kinh phí năm 2009)

- Miễn, giảm HP: 713 sv = 148.440.000đ/tháng (10 tháng/năm)
- Học bổng: 465 sv = 145.000.000đ/tháng (10 tháng/năm)
- Trợ cấp xã hội: 134 sv = 18.760.000đ/tháng (12 tháng/năm)

đ) Kết quả kiểm toán năm 2008, năm 2009: Ngày kiểm toán và kết luận

- Chưa có kết quả kiểm tra tài chính năm 2008

e) Thu nhập bình quân/1 tháng của giảng viên; cán bộ quản lý; nhân viên phục vụ (năm 2008 và ước thực hiện năm 2009)

Năm 2008:

- Bình quân: 4.342.000đ/người/tháng
- Cao nhất: 7.000.000đ/người/tháng
- Thấp nhất: 2.200.000đ/người/tháng

Năm 2009 (ước tính):

- Bình quân: 5.600.000đ/người/tháng
- Cao nhất: 9.100.000đ/người/tháng
- Thấp nhất: 2.800.000đ/người/tháng

4. Hình thức và thời điểm công khai

a) Công khai trên trang tin điện tử Học viện

Học viện công bố các nội dung này trên website trường.

b) Có các tài liệu in

Học viện phô tô báo cáo và các tài liệu liên quan gửi đến tất cả các đơn vị trong học viện, đặt tại thư viện, tại văn phòng các đơn vị để mọi người tiếp cận thuận lợi.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS, TS. Hoàng Đình Cúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học,
Năm học 2009-2010

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	ha	5.74
II	Số cơ sở đào tạo	cơ sở	
III	Diện tích xây dựng	m ²	41.554
IV	Giảng đường/phòng học	m ²	
1	Số phòng học	phòng	56
2	Diện tích	m ²	9.952
V	Diện tích hội trường	m ²	1449
VI	Phòng máy tính		
1	Diện tích	m ²	1046
2	Số máy tính sử dụng được	máy tính	379
3	Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	140
VII	Phòng học ngoại ngữ		
1	Số phòng học	phòng	2
2	Diện tích	m ²	120
3	Số thiết bị đào tạo ngoại ngữ chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sx)	Thiết bị	50
VIII	Thư viện		
1	Diện tích	m ²	3.419
2	Số đầu sách	quyển	
IX	Phòng thí nghiệm		
1	Diện tích	m ²	
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	thiết bị	
X	Xưởng thực tập, thực hành		
1	Diện tích	m ²	129.6
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	thiết bị	
XI	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
1	Số sinh viên ở trong KTX	sinh viên	1200
2	Diện tích	m ²	12.898
3	Số phòng	phòng	175
4	Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /sinh viên	3.6
XII	Diện tích nhà ăn sinh viên thuộc cơ sở đào tạo quản lý	m ²	1.639
XII	Diện tích nhà văn hóa	m ²	0
XIII	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²	0
XIV	Diện tích bể bơi	m ²	0
XV	Diện tích sân vận động (cả Tennít +Bóng chuyên)	m ²	7.176

Hà Nội, ngày 08 tháng 1 năm 2010

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ-HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục đại học, năm học 2009-2010

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Chức danh		Trình độ đào tạo					Ghi chú	
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116	Các hợp đồng khác	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác		
	Tổng số giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	381			1	16					1	31	
I	Giảng viên												
1	Triết học	15	15					3	8	4			
2	Lịch sử Đảng	11	11				3	5	3	3			
3	Tư tưởng HCM	8	8				1	2	4	2			
4	Xây dựng Đảng	10	10				1	2	5	3			
5	CNXH Khoa học	8	8				1	4	4	0			
6	Quan hệ quốc tế	9	9					2	3	4			
7	Kinh tế	17	17					4	7	6			
8	Nhà nước-Pháp luật	11	11					2	6	3			
9	Giáo dục chính trị	10	10					1	4	5			
10	Báo chí	16	16				1	5	6	5			
11	Phát thanh-Truyền hình	20	20				1	3	11	6			
12	Tuyên truyền	9	9				1	4	2	3			
13	Xuất bản	9	9				1	2	4	3			
14	Kiến thức GDĐC	18	18				1	6	9	3			
15	Xã hội học	15	15					2	10	3			
16	Chính trị học	8	8				1	2	3	3			
17	QHCC-QC	8	8				1	2	3	3			
18	Ngoại ngữ	18	18					2	10	6			
19	Văn hóa & phát triển	6	6					3	1	2			
20	Viện NC Báo chí-TT												
II	Cán bộ quản lý và nhân viên												
1	Giám đốc	1					1	1					
2	Phó giám đốc	2				1	1	2					
3	Khoa, phòng, ban, viện, trung tâm....	77					12	39	24	11		3	
4	Nhân viên	97						1	12	55	1	28	

Hà Nội, ngày 08 tháng 1 năm 2010

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ-HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

BÁO CÁO

**CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO QUY ĐỊNH
TẠI THÔNG TƯ 09/2009/TT-BGDĐT**

HÀ NỘI, 2010